

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1307/2023/DS-ST
Ngày: 18 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0188/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là ông A, sinh năm 1951; địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt);

Bị đơn là bà B, sinh năm 1965; địa chỉ: đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông C; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh H, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông A trình bày:

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2016, ông có cho bà B vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 01 (một) tháng.

Đến hạn trả nợ, vẫn chưa thấy bà B trả tiền nên ông đã nhiều lần liên lạc nhưng bà B luôn tránh né và đùn đẩy. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà B trả cho ông số tiền nợ vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2016 đến nay.

Bị đơn là bà B trình bày: Bà biết ông A thông qua ông C. Năm 2016, bà có vay của ông A số tiền 400.000.0000 đồng, thời hạn trả 01 tháng, không tính lãi. Đến ngày 13 tháng 5 năm 2016, bà đã trả cho ông A thông qua ông C số tiền 400.000.000 đồng, ông C có ký giấy nhận tiền của bà. Nay ông A yêu cầu bà trả số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền nêu trên thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông C đã được Tòa án thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tiền lãi, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 6%/năm, tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 đến nay là 170.000.000 đồng. Phía bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là hết thời hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản, nên việc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Phía bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 163, 256, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 155, 429, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng; Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn từ ngày 01/6/2016 đến ngày xét xử với lãi suất 6%/năm với số tiền là 170.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận do bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu và theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ 01 tháng 6 năm 2016 đến nay đã quá thời hạn 03 năm.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo bị đơn cung cấp thì ông C đang làm việc tại Phòng giao dịch ngân hàng E, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: đường F, Phường O, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại kết quả trả lời của Ngân hàng E thể hiện ông C, chức vụ: Nguyên Giám đốc E đã nghỉ việc kể từ ngày 08/4/2022, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh H, địa chỉ tạm trú: đường D, Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 25, quận Bình Thạnh tại Chung cư La Bonita không có ai tên C cư trú. Và theo trả lời xác minh của Công an xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh thì ông C có địa chỉ thường trú tại Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh H nhưng tại thời điểm xác minh ông C không có mặt tại địa phương, chưa rõ địa chỉ cụ thể. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tiến hành niêm yết thông báo số 307/TB-TA ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh về việc triệu tập ông C đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để viết bản tự khai, tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử vụ kiện, đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành đăng báo thông báo nêu trên trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông C vẫn không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 4 năm 2016 và lời trình bày xác nhận của bị đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng.

[3.2] Về tiền nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 400.000.000 đồng, phía bị đơn cho rằng đã trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn vào ngày 13 tháng 5 năm 2016 thông qua ông C và việc trả tiền này đã được nguyên đơn đồng ý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi nguyên đơn phủ nhận lời trình bày của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét đối với yêu cầu của bị đơn và căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên là có cơ sở.

[3.3] Về tiền lãi: Tại Biên bản hòa giải ngày 20 tháng 4 năm 2023 nguyên đơn trình bày: Sau khi bị đơn mượn tiền được một tháng thì nguyên đơn đã được ông C báo là đang giữ số tiền 400.000.000 đồng của bị đơn trả cho nguyên đơn và tại phiên Tòa nguyên đơn cho rằng ông không đồng ý với việc bị đơn trả tiền cho ông thông qua ông C. Như vậy cho thấy từ tháng 5 năm 2016, nguyên đơn

đã biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nhưng mãi đến tháng 01 năm 2021 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Đối chiếu với quy định nêu trên, thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đã hết. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 đến ngày Tòa án xét xử với số tiền 170.000.000 đồng là không có cơ sở để xem xét.

[3.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.5] *Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự (nguyên đơn đã nộp đủ).

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng;

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là: 170.000.000 đồng = 8.500.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 427, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông A. Buộc bà B phải trả số tiền nợ là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng theo giấy mượn tiền ngày 29 tháng 4 năm 2016 làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông A buộc bà B trả tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng là 170.000.000 đồng;

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông A phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự (Ông A đã nộp đủ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà B phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn là ông A được chấp nhận là: 20.000.000 đồng;

Ông A phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là: 8.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông A thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng